| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **80/**2022/KDTM-ST
Ngày: 26-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lê Thị Tự
2. Ông Đặng Đình Tiến

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1391/2022/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1492/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: Tòa nhà P, số 57, phố K, phường H, quận O, Thành phố A.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 397/2019/GUQ-TPB.LC ngày 03 tháng 9 năm 2019)

*Bị đơn:* Công ty cổ phần X

Địa chỉ: Số 79C đường B, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông P, sinh năm 1976 là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 83 Đường số Q, phường W, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đ trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Công ty cổ phần X vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần T – Chi nhánh H theo Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 với số tiền vay 400.000.000 đồng, lãi suất 7,8%/năm có điều chỉnh, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay: Vay mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 1502631/HĐMB/AP/2016 ngày 15/12/2016. Khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 354/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 24/4/2017. Ngày 25/4/2017 nguyên đơn đồng ý giải ngân cho bị đơn theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 354/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 25/4/2017 với nội dung bị đơn nhận nợ tiền vay với số tiền 500.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn cố tình không hoàn trả nợ vay. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 là 551.110.573 đồng (nợ gốc là 316.666.670 đồng, lãi trong hạn là 58.060.705 đồng, lãi quá hạn là 176.383.198 đồng). Ngoài ra bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu V; màu sơn: xanh; biển số: 51C-939.26; số loại: VT750; số máy: D4DBFJ609950; số khung: B179GMM00252 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 354/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 24/4/2017 đã ký.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty cổ phần X có địa chỉ trụ sở tại Số 79C đường B, phường L, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Ngày 24 tháng 4 năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh H và Công ty cổ phần X ký Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 gồm các nội dung chủ yếu sau: Số tiền cho vay: 400.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 1502631/HĐMB/AP/2016 ngày 15/12/2016. Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Phương thức cho vay: Cho vay từng lần. Kèm theo hợp đồng là Điều kiện giao dịch chung. Xét hợp đồng tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại các khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm ký kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi số tiền 316.666.670 đồng nợ gốc: Thực hiện hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 354/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 25/4/2017 với số tiền 400.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền gốc đã được Ngân hàng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của bên thụ hưởng theo đúng thỏa thuận. Bị đơn đã trả được 83.333.330 đồng tiền gốc, còn nợ 316.666.670 đồng nợ gốc, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 354/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017 nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 316.666.670 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 58.060.705 đồng lãi trong hạn và 176.383.198 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng:

[6] Xét Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân cho đến ngày 25/4/2018 là 7,8%/năm. Lãi suất sau ngày 25/4/2018 đến ngày 25/4/2021 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng của nguyên đơn tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,2%/năm. Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn được tự động chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này sang nợ quá hạn phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng cho vay, Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 58.060.705 đồng lãi trong hạn và 176.383.198 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 354/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017, là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 27 tháng 5 năm 2022 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết nợ.

[7] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Xét giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 259056 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2017 và Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an Thành phố Hồ Chí Minh đề ngày 23 tháng 10 năm 2020, có cơ sở xác định Xe ô tô nhãn hiệu V; màu sơn: xanh; biển số: 51C-939.26; số loại: VT750; số máy: D4DBFJ609950; số khung: B179GMM00252 thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

[8] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 354/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 24/4/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn đồng ý thế chấp tài sản là Xe ô tô nhãn hiệu V; màu sơn: xanh; biển số: 51C-939.26; số loại: VT750; số máy: D4DBFJ609950; số khung: B179GMM00252 để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bị đơn theo Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017 và các hợp đồng tín dụng khác tham chiếu đến hợp đồng thế chấp tài sản này ký giữa bị đơn và nguyên đơn. Về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp đúng quy định tại các điều Điều 335, 336, 339, 342, 715, 716, 717 và 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đã phát sinh hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[9] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu V; màu sơn: xanh; biển số: 51C-939.26; số loại: VT750; số máy:

D4DBFJ609950; số khung: B179GMM00252 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 354/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ để được chấp nhận.

[10] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 335, 336, 339, 342, 351, 715, 716, 717 và 719 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T,

Buộc Công ty cổ phần X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 316.666.670 đồng nợ gốc, 58.060.705 đồng lãi trong hạn và 176.383.198 đồng lãi quá hạn tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Hợp đồng cho vay số 354/2017/HDTD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 354/2017/GNN/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu

Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là Xe ô tô nhãn hiệu V; màu sơn: xanh; biển số: 51C-939.26; số loại: VT750; số máy: D4DBFJ609950; số khung: B179GMM00252 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 354/2017/HDBD/TTB MN2/01 ngày 24 tháng 4 năm 2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật để thi hành án.

2. Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.044.423 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 9.485.572 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029796 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Mai**